**BỨC TRANH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN**

**GIAI ĐOẠN 1832 – 1859**

***NGUYỄN THANH TUYỀN(\*)***

**1. THUẬN LỢI VÀ NHỮNG TRỞ LỰC**

Trong thời gian 1832 – 1859, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trên đất Sài Gòn và Nam Kì thường không ổn định. Liên tiếp những biến động chính trị, xã hội xảy ra ở quãng sau thời trị vì của Minh Mạng (1820 – 1840) và dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847). Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (1833 – 1835) khiến không chỉ vùng đất Sài Gòn ngập trong khói lửa tên đạn mà hầu hết vùng Nam Bộ cũng gặp họa binh đao do quân Xiêm La theo lời cầu viện của Lê Văn Khôi mà kéo sang. Năm vạn quân Xiêm chia làm năm cánh, lần lượt đánh chiếm Hà Tiên, hạ thành Nam Vang, chiếm An Giang rồi tấn công Quảng Trị, phủ Trấn Ninh thuộc Nghệ An. Quân Nguyễn phải vất vả đối phó gần một năm, đến 1834 mới dần giành lại các nơi đã mất, đuổi quân Xiêm ra khỏi bờ cõi.

 Sau khi lực lượng Lê Văn Khôi bị tiêu diệt (7/1835), tình hình Nam Kì tạm yên được vài năm. Từ 1838, nhiều cuộc nổi dậy chống lại chính sách cai trị hà khắc của triều Nguyễn đã nổ ra ở miền Tây Nam Bộ. Phong trào sau đó lan ra khắp Nam Bộ, hoạt động mạnh tại các tỉnh Gia Định, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Trong đó, các cuộc khởi nghĩa Lâm Sâm ở Lạc Hóa (nay thuộc tỉnh Trà Vinh), khởi nghĩa Ba Xuyên (Hậu Giang), khởi nghĩa Thất Sơn (An Giang), khởi nghĩa ở Hà Âm – Hà Dương (Kiên Giang), tất cả đều diễn ra trong hai năm 1841 – 1842, là lớn hơn cả, khiến quân Nguyễn phải chống đỡ rất mệt mỏi. Cùng với đó, từ năm 1840 đến năm 1845, nhân dân Chân Lạp ở Trấn Tây cũng vùng dậy đánh đuổi chính quyền bảo hộ của nhà Nguyễn và xin Xiêm La giúp đỡ. Quân Xiêm nhân đó lại đem quân tiến sang Trấn Tây và tràn sang đánh phá nhiều nơi thuộc Nam Bộ. Đất Nam Kì một lần nữa trở thành chiến trường giao tranh giữa hai bên Nguyễn-Xiêm, ác liệt nhất là trong năm 1842. Năm 1845, quân Nguyễn phản công quân Xiêm trên đất Chân Lạp, khiến Xiêm phải xin giảng hòa. Nhà Nguyễn đồng ý, việc dụng binh từ đó mới thôi.

(\*)*Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM. Email:* *tuyennguyenthanh27@gmail.com*

 Chiến trận liên miên trong những năm 1840 – 1845 đã gây nhiều thiệt hại cho nhân dân Nam Kì. Sản xuất nông nghiệp bị đình đốn, ruộng đồng bị tàn phá, nhiều nơi đất đai bị bỏ hoang. Hậu quả là mùa màng thất thu, người dân đói kém. Năm 1844, các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long giá gạo đắt. Vua Thiệu Trị sai đem thóc trong kho bán ra cho dân; lại vì dân tỉnh Biên Hòa nghèo túng, sai chia ra từng hạng mà chẩn cấp: người rất nghèo cấp cho 5 bát gạo và 3 tiền, nghèo vừa gạo 3 bát và 2 tiền, trẻ con chỉ có 1 bát gạo[[1]](#footnote-1). Trong một lần trò chuyện với các đại thần tháng 7/1841, vua Thiệu Trị đã hỏi Tổng đốc Bình – Phú Đặng Văn Thiêm: *“Tỉnh Bình Định về thuế tô năm nay đều được tha miễn cho cả, lúa vụ chiêm này cũng hơi được mùa, tại sao lại thiếu ăn như thế? Đặng Văn Thiêm thưa rằng: “Hạt ấy số người thì đông đúc mà đất ruộng thì cấy được ít, xưa nay vẫn nhờ vào thóc gạo của Nam Kì. Nay Nam Kì có việc binh đao, thóc gạo không chuyển vận được thông đồng, cho nên đến nỗi như thế…”. Vua lại hỏi rằng: “Sáu tỉnh Nam Kì vẫn có tiếng là thóc gạo bừa bãi. Năm nay tha hết tô thuế mà giá gạo cũng còn đắt là cớ gì?”. Trương Đăng Quế thưa rằng: “Nam Kì cứ hàng năm từ tháng giêng đến tháng 4, tháng 5, đều ăn nhờ vào gạo của Vĩnh Long và Gia Định; từ tháng 6 trở về sau ăn nhờ vào gạo của Lạc Hóa và Ba Xuyên. Nay việc đi bắt giặc chưa xong, dân gian không được hết sức việc cày cấy, cho nên số thóc của dân ăn không được dư dụ. Song giá gạo tuy cao, nhưng vụ mùa sắp gặt đến nơi, dân gian cũng chưa đến nỗi gieo neo lắm”*[[2]](#footnote-2). Triều Nguyễn thấy được nguyên nhân của vấn đề nhưng nhất thời chưa thể có phương sách đối phó hữu hiệu.

 Khi chiến trận kết thúc thì tình hình càng bi đát hơn. Đồng ruộng bị bỏ hoang chưa khôi phục lại, nhân dân nhiều nơi thiếu ăn, mắc phải bệnh dịch. Tình hình này diễn ra suốt những năm cuối thời Thiệu Trị và khoảng 10 năm đầu thời Tự Đức. Một số ghi chép của biên niên sử cho thấy thưc trạng ấy và sự lo lắng cùng biện pháp giải quyết của triều đình:

* Năm 1847: *“Từ khi biên thùy miền Tây có việc, ba tỉnh Gia Định, Vĩnh Long và An Giang ruộng đất ở các xã, thôn, phường phần nhiều bỏ hoang, quân dân thiếu ngạch; các tỉnh thần tâu xin điều tễ. Vua cho là việc quan hệ đến chính sự lớn của dân sinh, giao xuống cho đình thần nghị, tâu lên”*[[3]](#footnote-3).
* Tháng 1/1850: *“Tả, Hữu hai kì và 6 tình ở Nam Kì từ năm ngoái đến nay nhân dân nhiễm khí dịch lệ nặng (Bộ Hộ thông tính các hạt Nam, Bắc bị chết cộng 589.460 người) và lúa ruộng phần nhiều thu hoạch kém. Vua thương lắm. Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thự bộ Công là Nguyễn Tri Phương sung làm Kinh lược đại sứ Nam Kì, lĩnh Tổng đốc Định-Biên, kiêm coi hai đạo Long-Tường, An-Hà (…) cầm phù tiết đến nơi, để làm việc lợi bỏ việc tệ, chọn lọc quan lại, họp yên nhân dân”*[[4]](#footnote-4).
* Tháng 1/1851: *“Quân dân các tỉnh điêu háo. Vua sai Nguyễn Tri Phương đốc đồng với tỉnh thần xét kĩ trù nghĩ, gia hạn cho 6 tháng phúc tâu”*[[5]](#footnote-5).
* Tháng 11/1853: *“Vua cho là Nam Kì nắng, mưa chưa điều hòa, sai sứ thần, tỉnh thần đều phải tìm lấy chính sách cứu dân đau khổ tươi tỉnh trở lại và phòng sự mất mùa, tâu lên cho biết. Lại khuyên bảo giúp đỡ các làng xóm chớ có nhân sự đói rét mà làm phi pháp và trồng nhiều các rau, quả để đỡ sự khốn khó”*[[6]](#footnote-6).

Biến động chính trị, xã hội và những khó khăn thời hậu biến động ở Sài Gòn và toàn vùng Nam Kì đã ảnh hưởng nhiều mặt đến kinh tế thương nghiệp Sài Gòn. Trong hai năm quân Nguyễn vây quân Lê Văn Khôi ở thành Phiên An, việc buôn bán bị ngưng trệ, phố xá tiêu điều, thuyền buôn các nơi đến Sài Gòn bị hạn chế. Hai lần thuyền buôn Trung Quốc đến Sài Gòn nhưng không được vào buôn bán[[7]](#footnote-7). Phố Sài Gòn ảm đạm, bị đốt phá do một số người Hoa ở đây theo quân nổi dậy. Phố chợ Bến Thành, do sát với nơi chiến địa nên bị tàn phá nhiều. Đến cả người dân đi lại quanh thành cũng thường bị nguy hiểm rình rập: bị tên bay đạn lạc mà chết hoặc bị thương[[8]](#footnote-8). Ngoài ra, sự buôn bán giữa Sài Gòn với các nơi thuộc Nam Kì cũng bị gián đoạn, một phần bởi khả năng đối ứng của Sài Gòn đang bị ngăn cản, một phần do khu vực Nam Kì đang chìm trong khói lửa bởi sự tiến chiếm của Xiêm La. Điều này làm cho giá gạo tăng mạnh ở nhiều nơi, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống người dân. Tháng 9/1834, *“Sáu tỉnh ở Nam Kì tâu báo giá gạo cao vọt (gạo mỗi phương trị giá từ 1 quan 3 tiền đến 1 quan 9 tiền). Vua dụ bộ Hộ rằng: Ruộng đất ở nơi ấy màu mỡ, thóc gạo dồi dào. Năm trước, 1 phương gạo trị giá trên dưới 1 quan, có khi giảm xuống đến 6, 7 tiền. Nay giá cap gấp hai như thế, đều do nhà giàu hám lợi tích trữ để bán lấy giá cao. Vậy ra lệnh cho các đốc, phủ, bố, án hiểu thị khắp cho các nhà giàu trong hạt: phải bỏ ra bán với một giá phải chăng, để cho dân có thóc gạo ngày một nhiều thì giá gạo cũng sẽ ngày một giảm xuống”*[[9]](#footnote-9).

 Sự điêu hao của mùa màng cùng đời sống nhân dân trong và sau những năm chiến tranh 1840-1845 càng làm cho nhịp độ vận động thương mại của Sài Gòn bị giảm sút, buôn bán và lưu thông hàng hóa gặp những trở ngại nhất định.

 Trong khi đó, triều Nguyễn lại dần bỏ qua mối lợi thương mại từ việc giao thương quốc tế. Từ sau 1831, Minh Mạng thực hiện chính sách ngoại thương cấm đoán đối với các nước phương Tây. Tàu buôn phương Tây chỉ được đến Đà Nẵng thông thương, cấm không được đến những nơi khác. Khi triều đình dần đóng cửa với thế giới phương Tây, hoạt động ngoại thương không chỉ ở Sài Gòn mà trên cả nước tự nhiên cũng bị thu hẹp theo.

 Những trở lực do tình hình xã hội rối ren và sự khước từ giao thương với phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến thương mại Sài Gòn. Nhưng bên cạnh đó, nền thương mại nơi đây cũng có những thuận lợi để phát triển. Trước hết, để khắc phục sự tàn phá của chiến tranh và để việc thông tin liên lạc được tiện lợi hơn, nhà Nguyễn đã cho củng cố hệ thống đường sá ở nhiều nơi thuộc Nam Kì. Tháng 8 năm 1835, tuyến đường bộ dùng cho việc quân báo ở Nam Kì được xây dựng[[10]](#footnote-10). Tại Sài Gòn, nhiều cây cầu được tu bổ, xây mới, như cầu Lầu, cầu Sơn đắp năm Minh Mạng 13; cầu Long Điền, Phố, Lão Bôn, An Lạc, An Mĩ, Long Bình, Bình Ảnh, Bình Cương, Tây Hoa đắp năm Minh Mạng 17; cầu Trọng Hòa, cầu Phố Cũ, cầu Kiệu đắp từ đời Gia Long, đến Minh Mạng được sửa lại; cầu Thị Nghè được sửa lại năm Minh Mạng 17[[11]](#footnote-11). Sự mở mang thêm một bước hệ thống đường bộ làm cho việc đi lại của nhân dân Nam Kì dễ dàng hơn.

Mặt khác, nhà Nguyễn còn quan tâm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ở Nam Kì bằng việc khai hoang mở rộng diện tích, khuyên nông dân chăm lo cấy trồng và thực hiện chính sách đồn điền trên toàn Nam Bộ (từ 1853). Những động thái này khiến nông nghiệp Nam Bộ vẫn tiếp tục phát triển, dù có nơi có lúc bị đình trệ, điêu đứng. Thóc lúa nhiều năm được mùa như năm 1835, 1842, 1858… Thực tế này khiến thị trường lúa gạo toàn miền Nam vẫn giữ được cảnh nhộn nhịp và lúa gạo tiếp tục được chuyển đến Sài Gòn để bán mua, trao đổi. Cuối cùng, sự nới lỏng về mặt chính sách đối với việc buôn bán gạo ở Nam Bộ (sẽ nói rõ ở phần sau) là yếu tố thuận lợi tiếp theo, tác động trực tiếp đến hoạt đông thương mại nói chung và buôn gạo nói riêng trên địa bàn Sài Gòn.

 Hoạt động nội – ngoại thương ở Sài Gòn diễn ra trong khung cảnh xã hội với một vài thuận lợi bên cạnh những khó khăn chất chồng như vậy nên sự phát triển không còn dồi dào, sung sức nữa.

**2. CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI THƯƠNG PHÁT TRIỂN HẠN CHẾ**

 Hoạt động buôn bán nội bộ của cư dân Sài Gòn vẫn tiếp diễn nhưng điều dễ nhận thấy là nó không còn mạnh mẽ như trước. Trung tâm thương mại lớn nhất Sài Gòn là khu Chợ Lớn bị hủy hoại nhiều thứ trong cuộc khởi binh Lê Văn Khôi. Sau đó, hoạt động thương mại tại đây dần được khôi phục nhưng không sao lấy lại vẻ phồn vinh như trước. *“Thưa thớt dần, không được như trước”*[[12]](#footnote-12) là tình cảnh của chợ Lớn dưới thời Tự Đức. Chẳng những thế, khu chợ Bến Thành cũng sa sút không kém, *“từ năm Minh Mệnh thứ 14 trải qua loạn nghịch Khôi, phố xá bị tàn phá, kém trước nhiều”*[[13]](#footnote-13). Khi khu trung tâm không thể hồi phục trạng thái như trước, sức phát triển thương mại của Sài Gòn theo đó cũng bị phá hoại nghiêm trọng.

 Ở một số nơi ngoài trung tâm, việc buôn bán vẫn được tiến hành trong phạm vi trao đổi nội vùng của dân địa phương. Như tại chợ Linh Chiểu Đông, *“tục gọi chợ Thủ Đức, phố xá thành hàng thành dãy, là một chợ lớn trong huyện”*[[14]](#footnote-14). Người buôn thường theo sông Bình Giang để đến họp chợ tại Thủ Đức[[15]](#footnote-15). Hay ở chợ Thủ Thiêm, *“ở thôn Giai Quý huyện Nghĩa An, trông ra sông Bình Giang, nhìn sang trước tỉnh Gia Định, tàu biển thuyền sông tấp nập, dân sở tại làm nghề chở đò ngang đò dọc và theo dòng nước đem bán thực phẩm như cá thịt rau quả”*[[16]](#footnote-16). Sự nhộn nhịp của những nơi này đã góp phần kéo giữ sự phát triển cho nền thương mại Sài Gòn nói chung.

 Trong buôn bán và tiêu dùng, người Sài Gòn thường gặp nhiều khó khăn do giá cả tăng vọt, nhất là vào những năm Nam Kì có biến động. Liên tiếp các năm 1841 – 1845, giá gạo ở Nam Kì đều khá cao. Thị trường Sài Gòn bị tác động mạnh, việc lưu thông và tiêu thụ hàng hóa bị hạn chế. Trước thực trạng ấy, tháng 7/1844, triều đình Huế quyết định thu mua một số mặt hàng ở Nam Kì với giá cao để ổn định thị trường, tăng cường sức mua, với cách thức “*châm chước định những vật hạng nên mua ở từng tỉnh, thông sức những dân làm nghề buôn bán ở trong hạt, đều đem những thứ mà mình có đến quan mà bàn, chước lượng nâng cao hơn giá chợ 1, 2 thành, cấp tiền ngay ở trước mặt, để cho hóa vật dùng được vừa phải, dân có chỗ nhờ.*[[17]](#footnote-17).

 Nhưng giải pháp này không giúp ích được nhà buôn cùng nhân dân Sài Gòn là bao. Chỉ 3 tháng sau, giá cả các mặt hàng trên toàn tỉnh Gia Định leo thang chóng mặt. Có thứ tăng 2 – 3 lần, có thứ tăng lên 10 lần. Sự tình này khiến triều đình Thiệu Trị lại phải thay đổi giá mua hỗ trợ: *“lấy giá đã mua năm ngoái mà liệu định: nếu hơn lên một, hai, ba thành thì chiếu giá đã mua mà thêm một hai thành, nếu hơn lên đến 8 thành thì thêm 4 thành”*[[18]](#footnote-18).

 Trên phương diện giao thương với các vùng miền trên cả nước, tuy có những khó khăn do thời giá biến động, do môi trường xã hội bất ổn nhưng Sài Gòn vẫn thu hút được nhiều thương khách thập phương. Hoạt động buôn bán vẫn có những nét sôi động, như một người đương thời mô tả:

*“Sài Gòn Chợ Lớn chia hai,
Tên thì có khác, đất thì cũng liên.
…
Thông lưu các nước bộn bề,
Có tàu Đông Việt có ghe Bắc Kì.
Bán buôn vật nọ hàng kia,
Lao xao thương khách xiết gì là đông*

*…*

*Phố phường tòa dọc dãy ngang,
Có hàng đồ Bắc, có hàng đồ Nam.
Bán buôn tiền vạn bạc ngàn,
Nhộn nhàng khiêng gánh lăng xăng ra vào.
Đêm thì tiệc khách lao xao*

*Đứa rao ngưu nại, đứa ra hạnh trà
Đứa thì cháo vịt cháo gà,
Cùng là công bính, cùng là hoa sanh
Những là đậu chúc liên canh,
Sa lê quả tử ngồi quanh các đàng…”[[19]](#footnote-19)*

So với các tỉnh khác ở Nam Kì, Sài Gòn – Gia Định là nơi thương nhân qua lại nhiều hơn cả. Nhờ vậy mà số thuế thuyền buôn thu được ở đây cũng cao nhất trong các tỉnh Nam Kì. Các số liệu về quan thuế đường sông ở các tỉnh Nam Kì năm 1837 cho thấy hiện trạng này.

**Thuế cửa quan đường sông ở Nam Kì năm 1837**

*[Nguồn: ĐẠI NAM THỰC LỤC, TẬP 5, SĐD, TRANG 214]*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cửa quan** | **Thuộc tỉnh** | **Tiền thuế (Quan. Tính tròn số)** | **Tổng thuế phân theo tỉnh (quan)** | **Tỉ lệ thuế phân theo tỉnh** |
| 1 | Lật Giang | Gia Định | 16.300 | 30.300 | 33,71% |
| 2 | Phú Mĩ Tây | 13.000 |
| 3 | Bình Thuyên | 1.000 |
| 4 | Tuyên Uy | Định Tường | 280 | 17.480 | 19,45% |
| 5 | Hùng Ngự | 2.800 |
| 6 | Mậu Đăng | 6.800 |
| 7 | Mĩ Tho | 7.600 |
| 8 | Phúc Châu | Biên Hòa | 5.200 | 17.400 | 19,36% |
| 9 | Phúc Lễ | 12.200 |
| 10 | Long Hồ | Vĩnh Long | 4.900 | 9.300 | 10,35% |
| 11 | Thiện Mĩ | 2.500 |
| 12 | Hàm Long | 1.900 |
| 13 | An Lạc | An Giang | 900 | 14.500 | 16,13% |
| 14 | Đông Xuyên | 800 |
| 15 | Chu Giang | 4.600 |
| 16 | Tân Châu | 3.400 |
| 17 | Trấn Di | 4.800 |
| 18 | Giang Thành | Hà Tiên | 900 | 900 | 1% |
| **TỔNG** |  |  | 89.880 | 100% |

 Theo bảng này, thuế cửa quan đường sông trong một năm của Gia Định cao gấp 33 lần thuế của Hà Tiên, gấp hơn 3 lần thuế của Vĩnh Long, gấp hơn 2 lần thuế của An Giang và gấp gần 2 lần thuế của mỗi tỉnh Định Tường, Biên Hòa. Những con số trên chứng tỏ Sài Gòn – Gia Định vẫn là nơi đầy cuốn hút đối với thương khách gần xa, là trung tâm kinh tế lớn nhất của Nam Kì lục tỉnh.

 Năm 1839, nhà Nguyễn hủy bỏ lệ định thuyền buôn tư nhân phải định kì đi chở của công cho nhà nước[[20]](#footnote-20). Quyết định này đã gây phấn chấn cho giới thương nhân cả nước. Từ đây, họ có thể yên tâm đi buôn mà không phải lo công việc bị gián đoạn như trước. Cũng kể từ đây, nhiều người có thể đến Sài Gòn đều đặn hơn. Điều này khiến thương mại Sài Gòn phần nào lấy lại vẻ náo nhiệt như lúc trước.

Trong buôn bán, lúa gạo tiếp tục là mặt hàng ưu trội. Thóc gạo từ khắp nơi ở Nam Kì được vận chuyển đến Sài Gòn ngày càng dễ dàng do chính sách khuyến khích của triều đình. Từ năm 1836, nhà Nguyễn định lệ chi tiết việc đánh thuế thuyền buôn trên các đường sông ở Nam Kì nhưng thuyền nào chở theo gạo thì được miễn thuế[[21]](#footnote-21). Chủ trương này được tái khẳng định vào năm 1838[[22]](#footnote-22). Trong nhiều năm sau, nhà Nguyễn lại có những động thái nhằm thúc đẩy việc buôn bán gạo ở miền Nam nói chung và Sài Gòn nói riêng. Tháng 9/1841, vua Thiệu Trị hạ lệnh *“Tha quan thuế về năm ấy cho Nam Kì (…). Chuyên chở thóc gạo tuy không ở trong lệ phải đánh thuế, nhưng vì đi lại đường sông, đến đâu cũng có cửa tuần xét hỏi, sợ rằng những người đi buôn trói chân không được, cũng có sự bất tiện. Vậy chuẩn định các quan ải thuộc hạt cả tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Trấn Tây, từ tháng 9 đến cuối tháng 12 năm nay cho đình chỉ không thu thuế nữa, để cho dân ta được hưởng lợi”*[[23]](#footnote-23).

Đến tháng 3/1843, Thiệu Trị lại *“Miễn thuế quan năm nay cho 6 tỉnh Nam Kì (…). Sở thuế quan ở các hạt Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang kể từ mồng 1 tháng 5 năm nay cho đến cuối tháng 12 đều gia ân cho đình chỉ việc đánh thuế, thu thuế; đợi sau sẽ thi hành như lệ”*[[24]](#footnote-24).

Đầu thời Tự Đức, năm 1848, ông quyết định bỏ hoàn toàn việc đánh thuế thuyền buôn ở Nam Kì[[25]](#footnote-25). Chẳng những thế, năm 1854, Tự Đức còn chuẩn cấp cho thuyền buôn Nam Kì, mỗi chiếc 3000 – 4000 quan tiền để đi đong gạo tải đến các tỉnh miền Trung bán cho dân; hạn trong 4 tháng phải nộp lại tiền vốn đã cấp[[26]](#footnote-26). Năm 1857, lại đẩy mạnh việc thuê thuyền buôn chở gạo trong Nam ra miền Trung[[27]](#footnote-27)…

Các biện pháp của triều đình đã tạo điều kiện để thuyền buôn miền Bắc, miền Trung đến Sài Gòn và Nam Kì mua gạo ngày một đông. Sau đó những thuyền này lại chở nặng gạo về bán tại địa phương. Năm 1841, có 200 thuyền chở gạo từ tỉnh Gia Định ra Thừa Thiên. Năm 1842 có 70 thuyền[[28]](#footnote-28).

Trong hoàn cảnh buôn bán gặp nhiều trở ngại do xã hội miền Nam thường thiếu ổn định, hoạt động buôn gạo ở Sài Gòn vẫn được tiến hành thường xuyên và có những tiến triển nhất định. Qua ghi chép của sử sách triều Nguyễn, có sự chênh lệch về giá thóc giữa các miền theo xu hướng càng ra Bắc giá thóc càng cao. Trong khoản thời gian hơn nửa đầu thế kỉ XIX, giá thóc luôn biến động, xu hướng ngày càng cao. Trên cơ sở tính giá thóc gạo trung bình của từng vùng biến động theo thời gian, kết quả như sau: vùng Nam Bộ thời Gia Long 0,5 quan tiền/hộc, thời Minh Mạng tăng lên 0,85 quan/hộc, thời Thiệu Trị và đầu Tự Đức tăng lên 1,8 quan/hộc; vùng từ Quảng Bình đến Bình Thuận thời Gia Long 0,9 quan/hộc, thời Minh Mạng tăng lên 1,4 quan/hộc, thời Thiệu Trị và đầu Tự Đức tăng lên 3 quan/hộc; vùng từ Nghệ An ra Bắc thời Gia Long 1 quan/hộc, thời Minh Mạng tăng lên 1,6 quan/hộc, thời Thiệu Trị và đầu Tự Đức tăng lên 3 quan/hộc[[29]](#footnote-29). Sự tăng mạnh của giá gạo ở Nam Bộ và trên cả nước đã đem về những khoản lời lãi cho người buôn. Nhưng mặt khác, đối với người tiêu dùng thì giá gạo tăng nhanh lại khiến khả năng chi trả của họ yếu đi, càng trở thành gánh nặng khủng khiếp với những người bần cùng khốn khó.

**3. MẬU DỊCH ĐỐI NGOẠI VỚI NƯỚC NGOÀI SA SÚT HẲN**

 Với quy định chỉ cho tàu buôn phương Tây đến Đà Nẵng, nhà Nguyễn đã tự đánh mất một đối tác thương mại quan trọng và làm cho Sài Gòn mất đi vị thế trung tâm thương mại quốc tế – giao lưu kinh tế với cả phương Đông và phương Tây – của nó. Đầu năm 1834, một thuyền buôn Pháp đến cửa biển Cần Giờ xin vào buôn bán nhưng không được[[30]](#footnote-30).

Tháng 10 năm 1835, *“Tỉnh Hà Tiên có người khách buôn đi chiếc tàu bọc đồng đậu ở hòn Na Dự, trong tàu có người Hồng Mao chở đồ hóa hạng và sáu súng điểu thương, súng đoản mã cò máy đá, xin vào buôn bán chịu thuế. Việc ấy tâu lên, Ngài dụ quan tỉnh tới hiểu thị người chủ tàu ấy rằng: “lệ tàu Tây đậu tại cửa Hàn (Đà Nẵng), còn các cửa biển khác không được tới buôn, phép nước rất nghiêm chẳng nên trái; biểu chiếc tàu ấy nên ra biển lập tức, không cho vào cửa. Từ nay về sau người Tàu phải đi tàu buôn nước Tàu mới cho vào cửa biển buôn bán, người Tây phải đi tàu nước Tây vào cửa Hàn thông thương, không được ghé vào cửa khác có lỗi”*[[31]](#footnote-31). Từ đó trở đi, thương thuyền các nước châu Âu không đến Sài Gòn và những nơi khác ở Nam Bộ nữa.

 Khách thương ngoại quốc đến Sài Gòn chỉ còn các thương nhân Trung Quốc và lái buôn một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Chân Lạp, Xiêm, Hạ Châu… Trong đó thuyền buôn đến từ các địa phương Trung Quốc chiếm số lượng nhiều hơn cả. Trong một số niên điểm (1820, 1822, 1826, 1838, 1841, 1846, 1847, 1849, 1851, 1852, 1855) có 45 đợt thuyền buôn Trung Quốc cập cảng Việt Nam, có đợt tới hai mươi thuyền (1857)… Tại khu vực phía nam họ đến các cửa biển Quảng Nam, Quảng Ngãi và đặc biệt là Bình Định và Gia Định[[32]](#footnote-32). Năm 1833, nhà Nguyễn quyết định giảm thuế cho các thương buôn đến từ Phúc Kiến, cho họ được đóng thuế theo lệ thuyền buôn Triều Châu[[33]](#footnote-33).

 Tuy vậy, việc cập cảng và mua bán ở Sài Gòn của thương nhân Trung Quốc cũng gặp những khó khăn do chính sách ức thương ngày thêm ngặt nghèo của triều Nguyễn. Kể từ năm 1837, người dân trong nước bị cấm bán các thứ vải vóc, tơ lụa cho lái buôn Trung Quốc[[34]](#footnote-34). Sau đó, năm 1838, Minh Mạng lại định lệ *“Phàm người Thanh đến làm ăn sinh sống chỉ cho đi lại đường sông buôn bán. Và tất cả thuyền buôn trong hạt vượt biển buôn bán thì cũng không được mượn người Thanh làm lái thuyền hay thủy thủ, người trái lệnh thì bắt tội. Lại nghiêm sức cho viên cai giữ cửa biển hết lòng tra xét. Nếu có người Thanh nhờ thuyền ra biển buôn bán và ngầm đáp thuyền buôn của dân trong hạt thì lập tức bắt giải để nghiêm trị”*[[35]](#footnote-35).

 Đến thời Tự Đức, cách hành xử của vị vua này với thương thuyền Trung Hoa càng tiêu cực hơn. Tháng 12/1855, *“Từ nay về sau, phàm thuyền nước Thanh đến buôn, bỏ neo đậu ở phận cửa biển nào, mà thiếu củi nước thì hạn cho 5 ngày đi kiếm mua; buồm và cột có gãy, rách thì hạn cho 10 ngày để sửa chữa. Nếu hạn ấy hết thì phải nhổ neo đi ngay. Hạt nào số thuyền nước Thanh đến buôn nhiều, khi kiểm tra xong rồi, thì lựa chọn nơi nào rộng rãi, sức bắt chúng đậu lại thành đoàn thuyền ở đó, để tiện việc tuần phòng. Đến như thuyền của chúng đến buôn ở các hạt Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long mỗi tỉnh chỉ hạn cho 12 chiếc. Nếu quá số ấy thì do tỉnh thần sai đuổi chúng đến hạt khác mà buôn bán”*[[36]](#footnote-36). Quyết định này là đòn giáng mạnh vào mối quan hệ giao thương giữa Sài Gòn-Nam Bộ với Trung Quốc. Nó ngay lập tức khiến thương mại Sài Gòn đi xuống, buộc Tự Đức vào năm sau phải điều chỉnh lại lệnh trên, theo đó thì *“cứ thuyền hiện đậu ở bến hạn cho 12 chiếc, trong 1 năm là bao nhiêu chiếc, cứ đến cuối năm dâng vào sổ”*[[37]](#footnote-37). Mặc dù vậy, sự điều chỉnh này vẫn mang tính ức thương rất rõ. Quan hệ thương mại giữa Sài Gòn với Trung Quốc cứ thế tiếp diễn trong trạng thái bị hạn chế cho đến khi tỉnh thành Gia Định bị thực dân Pháp đánh chiếm (17/2/1859).

*Việc buôn bán với Chân Lạp* có lúc bị gián đoạn do tình hình chính trị, xã hội bất ổn. Từ năm 1835, nhà Nguyễn bỏ lệ cấm chở riêng gạo, muối sang bán ở Chân Lạp, vì Chân Lạp không phải là nước ngoài mà là “con đỏ của triều đình”. Thuyền buôn người Kinh hoặc người Phiên có chở gạo, muối đi lại trao đổi đều cho thông thương, chiếu lệ đánh thuế, đến thành Trấn Tây thì thôi[[38]](#footnote-38). Nhưng khi dân Chân Lạp nổi dậy (năm 1840), triều Nguyễn liền cấm tuyệt việc thông thương giữa hai bên. Mãi đến tháng 6/1847, khi tình hình đã yên, nhà Nguyễn mới có chỉ dụ cho thông thương trở lại[[39]](#footnote-39).

Sử nhà Nguyễn còn cho biết thêm: Từ đó người Kinh người Thổ lại thông thương như cũ. Phàm bọn dân Miên, cho được cùng dân Kinh thông thương như cũ. Còn người Kinh đến buôn bán ở thành Nam Vang phải lĩnh tờ bằng chứng do quan tỉnh sở tại cấp cho, hết hạn phải đem nộp; nếu người nào cố ý yêm lưu thì án quán trị tội[[40]](#footnote-40).

 Nhưng lệnh trên chưa bao gồm việc tự do buôn bán muối. Vì vậy, đến năm 1851, Tự Đức đã cho phép *“nhân dân 6 tỉnh Nam Kì như có người nào đem muối tới cõi đất nước Cao Miên thông thương thì không cấm nữa”*[[41]](#footnote-41). Từ đây trở đi, việc buôn bán được tự do hơn. Giao thương giữa Sài Gòn và cả vùng Nam Kì với Chân Lạp được đẩy mạnh. Theo hai tuyến đường thủy bộ, nhiều thương nhân Chân Lạp đến Sài Gòn, đem các thứ thổ sản, dược liệu để mua về gạo, muối cùng nhiều loại hàng hóa khác.

Đối với các nước khác trong khu vực, việc buôn bán vẫn diễn ra nhưng sút kém dần. Thuyền buôn Xiêm La đến Sài Gòn ngày một ít do quan hệ giữa triều Nguyễn với Xiêm không mấy mặn mà vì vấn đề Chân Lạp. Triều Nguyễn luôn cấm cản người dân trong nước bán gạo cho Hạ Châu nên không gây được hứng thú cho thuyền buôn Hạ Châu đến Sài Gòn và các nơi khác ở Việt Nam.

 Trong xuất cảng hàng hóa, để đảm bảo an ninh lương thực trong nước, nhà Nguyễn tiếp tục kìm hãm việc xuất khẩu gạo ở Sài Gòn bằng chính sách quản lí ngày càng siết chặt hơn. Tháng 11/1834, Minh Mạng *“Định rõ lại lệ cấm các thuyền buôn ở Nam Kì bán lậu gạo. Vua dụ bộ Hộ rằng: Việc bán lậu gạo, đã từng nghiêm dụ răn cấm để cho ai cũng nghe biết cả. Ngặt vì bọn tiểu dân tham lợi, phần nhiều thường hay vi phạm. Nay 6 tỉnh Nam Kì đang lúc giáp hạt mà quan quân ở Gia Định đông như mây họp, ăn dùng rất rộng, nên giá gạo cao gấp đôi. Nay lại dụ rõ cho các đốc, phủ, bố, án nên nghiêm ngặt răn bảo các quan quân dân chúng trong hạt không được lén chở gạo ra những chỗ bến tàu ở Hạ Châu hoặc đem trao đổi với những lái buôn người nhà Thanh. Nếu ai vi phạm tức thì chiếu theo luật “trái lệ cấm ra biển, tư thông với người nước ngoài”, sẽ khép vào tội chết”*[[42]](#footnote-42).Tháng 10/1841, Thiệu Trị tiếp tục *“Định rõ lại các điều cấm về việc bán trộm muối gạo ở Nam Kì. Nguyễn Công Trứ tâu rằng: “Bọn con buôn gian giảo ở các tỉnh phần nhiều chở gạo muối bán lậu cho thổ phỉ”. Vì thế lại định điều cấm rõ ràng lần nữa”*[[43]](#footnote-43). Sau đó, vào tháng 3/1850, Tự Đức lại *“Chuẩn định lệ cấm mua bán muối, gạo của phường buôn gian lậu. (Phàm thuyền người nước Thanh đậu nấp ở các xứ đảo lớn, đảo nhỏ, riêng cùng bọn buôn gian lậu mua gạo và người ở 6 tỉnh Nam Kì đem muối, gạo đến cõi đất Man buôn bán; kiểm xét bắt được thì thuyền và hàng hóa (của người nước Thanh), gia sản (người buôn nước ta) tịch thu thưởng hết cho người tố cáo. Người mua bán và kẻ buôn gian lậu xử tội mãn trượng (100 trượng) đem đi lưu. Dân các hạt đem trộm gạo lẻn đến Hạ Châu và bán cho người buôn gian lậu ở nước Thanh, chủ thuyền thì xử tội thắt cổ cho chết nhưng còn giam lại đợi xét lại, người bẻ lái và thủy thủ xử tội mãn trượng đem đi lưu. Viên tấn thủ cố ý dung túng cũng xử cùng một tội như kẻ can phạm)”*[[44]](#footnote-44).

Những điều này làm tăng thêm hoạt động buôn gạo lậu của thương nhân Sài Gòn. Nhiều vụ buôn lậu hay trốn thuế bị phát giác và được xét xử nghiêm. Chẳng hạn:

* Tháng 3/1837: *“Tỉnh Gia Định có tên Hoàng Diệp người nhà Thanh, nhờ tên phạm tội phải chém Hoàng Văn Thông là phủ thuộc của Kiên An công, mạo nhận thuyền riêng làm nhiêu thuyền (thuyền được tha không phải nộp thuế) đi buôn ở Hạ Châu, Phúc Kiến và các xứ Nam Kì, Bắc Kì, hơn 10 năm không nộp thuế nhà nước. Thông đã bị giết, phủ thuộc là bọn Nguyễn Bá Lực lại vin cớ để chậm không theo lời dạy sai đem thuyền về nộp. Bố chính là Hoàng Quýnh xét được việc gian ấy, bắt để hỏi, nhận tội cả. Án dâng lên, bọn Hoàng Diệp, Nguyễn Bá Lực đều phải tội mãn lưu [lưu đủ 3000 dặm], phạt lương Kiên An công 4 năm, quan tỉnh cùng người coi giữ đồn Cần Giờ lần lượt đều vì tội thất sát, phân biệt giáng cách, thưởng cho Hoàng Quýnh được gia một cấp”*[[45]](#footnote-45).
* Năm 1847, triều đình Thiệu Trị đã xử chém lái buôn Lê Văn Gẫm người Gia Định với hai tội danh lén lút sang nước ngoài buôn bán (sang Hạ Châu – Singapore và Penang – Malaysia) và theo tà đạo (đạo Thiên chúa)[[46]](#footnote-46).
* Tháng 6/1856, *“Lý Văn Thiện người tỉnh Gia Định buôn lậu thóc gạo. Bộ Hình nghĩ án dâng lên. Vua bảo rằng: Lý Văn Thiện đã hai lần cố ý phạm pháp, lũ chân sào người cầm lái biết mà không tố giác, bản án nguyên nghĩ phạt nhẹ, thì lấy gì ngăn cấm kẻ gian. Vậy Văn Thiện chuẩn xử tội trảm giam hậu; bọn chân sào cầm lái phạt 100 trượng đem lưu. (Nguyên xử án Lý Văn Thiện xử phạt 100 trượng phát lưu, bọn chân sào cầm lái phạt trượng tha ra)”*[[47]](#footnote-47).

Triều Nguyễn còn cảnh giác với cả những hoạt động tiềm ẩn nguy cơ gian lậu của một số người buôn ở Sài Gòn. Như việc xảy ra vào tháng 7/1856: *“Vua [Tự Đức] cho rằng Trần Chấn chủ hàng ở Gia Định, gần đây thuê thuyền của Ma Cao chở các hàng hóa, chẳng khỏi có tệ khác. Sắc từ sau mua các thứ vật hạng của công, nên thuê thuyền của nước Thanh nhưng phải do quan tỉnh ấy khám hỏi tình trạng gian lậu”*[[48]](#footnote-48). Sự thắt chặt chính sách quản lí gạo làm cho thị trường lúa gạo Sài Gòn bị kiềm tỏa nghiêm ngặt. Song sức sống của nó vẫn tiềm tàng mạnh mẽ. Năm 1860, khi thực dân Pháp đã chiếm tỉnh Gia Định và cho mở cảng Sài Gòn, lượng gạo xuất khẩu liền tăng đột biến[[49]](#footnote-49).

 Sự đi xuống của hoạt động ngoại thương ở Sài Gòn là kết quả của chính sách ngày càng coi thường quan hệ giao thương với các nước, của việc từng bước phớt lờ rồi cố ý hạ thấp vị thế kinh tế của nơi đây trong quan hệ với thế giới bên ngoài của triều Nguyễn. Mậu dịch đối ngoại trên đất Sài Gòn từng góp phần tạo nên sức mạnh cho họ Nguyễn trong quá trình khôi phục vương quyền, đến đây bị xem nhẹ và kìm hãm gay gắt. Sài Gòn mất đi cơ hội mở rộng giao lưu kinh tế quốc tế. Tính năng động thương mại của nó không có điều kiện để tiếp tục phát huy.

 Từ những năm 30 của thế kỉ XIX, hoạt động thương mại ở Sài Gòn dần trở nên sút kém. Những biến động chính trị, xã hội trên đất Nam Kì khiến việc buôn bán bị cản trở khá nhiều, cơ sở vật chất bị tàn phá, buôn bán ngày thêm khó khăn. Chính sách ngoại thương ngày càng tiêu cực của triều đình là nhân tố tiếp theo khiến thương mại Sài Gòn thêm sa sút. Sự chi phối của các nhân tố khách quan khiến đội ngũ thương nhân Sài Gòn, tuy không phải là ít, dần bị suy giảm về đối tượng giao thương, mức độ buôn bán cùng năng lực ứng đối thương mại. Sức hoạt động của họ bị kiềm chế, không thể lớn mạnh được và chỉ có thể thu hẹp lại trong khuôn khổ các hoạt động nội thương mà thôi. Sự suy yếu của tầng lớp thương nhân Sài Gòn giai đoạn này, đúng như sử sách ghi nhận *“những nhà buôn lớn đều từ nước ngoài đến, còn người bản xứ chỉ buôn bán nhỏ, đem chỗ nhiều đến chỗ ít, cất đủ dùng hàng ngày thôi”*[[50]](#footnote-50). Khi chủ thể thương mại quan trọng nhất không còn nhiều cơ hội để lớn dần lên, vững mạnh hơn thì tình hình nội – ngoại thương cũng lâm cảnh suy thoái, thiếu động lực phát triển từ chiều sâu sức mạnh bên trong.

 Nói như vậy không có nghĩa bức tranh thương mại Sài Gòn chỉ mang một màu tối. Việc buôn bán tuy co hẹp lại trong hoạt động buôn bán tại chỗ và giao thiệp với các vùng miền trong nước nhưng Sài Gòn vẫn có những thuận lực để phát huy thế mạnh là trung tâm buôn bán lúa gạo hàng đầu của đất nước, dĩ nhiên sự dồi dào lúa gạo và quy mô buôn bán đã kém trước. Lúa gạo hàng hóa, sản phẩm chủ đạo của Sài Gòn và toàn đất Nam Kì, luôn là điểm tựa để thương nghiệp Sài Gòn đi lên trong các giai đoạn trước, đến nay mặt hàng này, cùng với vị thế địa – kinh tế đặc biệt của Sài Gòn, vẫn là tác nhân đóng phần kéo giữ hiệu quả để thương mại Sài Gòn dù phát triển hạn chế nhưng không thể suy thoái hoàn toàn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Choi Buyng Wook, *Ngoại thương Việt Nam nửa đầu thế kỉ 19 từ tay người Hoa chuyển qua người Việt*, Tạp chí nghiên cứu lịch sử, số 3, 2008.
2. Choi Byungwook, *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng*, Nhiều người dịch, NXB Thế giới, Hà Nội, 2011.
3. Dương Văn Huy, *Gạo và thuốc phiện: Nghiên cứu về hoạt động mậu dịch của người Hoa ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2, 2011.
4. Hai Đức, *Kim Gia Định phong cảnh vịnh,* Trương Vĩnh Ký phiên âm và chú thích, in trong quyển Saigon d’aujourd’hui (Nét đẹp Sài Gòn), Nhà hàng C.Guilland et Martion, Saigon, 1882.
5. Nguyễn Phan Quang, *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833 – 1835),* NXB TPHCM, 1991.
6. Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1971.
7. Nhiều tác giả, *Lịch sử nhà Nguyễn một cách tiếp cận mới*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2005.
8. Nội các triều Nguyễn, *Đại Nam hội điển sự lệ, tập 4*, Bản dịch Viện sử học, NXB Thuận Hóa, Huế, 1993.
9. Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, tập II*, NXB GD, Hà Nội, 2013.
10. Phan Huy Lê (Chủ nhiệm), *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu), Đề án KHXH cấp nhà nước*, Hà Nội, 2011.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Bản dịch Viện sử học, NXB Thuận Hóa, Huế, 2006.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục (Tập 3, 4, 5, 6, 7)*, Bản dịch Viện Sử học, NXB GD, HN, 2002 – 2006.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Bản dịch tiếng Việt của Quốc sử quán, NXB Thuận Hóa, Huế, 1998.
14. Trần Viết Nghĩa, *Chính sách của triều Nguyễn trong buôn bán tiểu ngạch với Trung Quốc*, Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc, số 6 (70), 2006.
15. Trần Viết Nghĩa, *Chính sách quản lí và sử dụng gạo của triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1875*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học xã hội và nhân văn, Tập 29, Số 1, 2013.
1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 6*, Bản dịch Viện sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, q41, tr. 637. [↑](#footnote-ref-1)
2. *Đại* *Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q10, tr. 201. [↑](#footnote-ref-2)
3. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q72, tr. 1071. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 7*, Bản dịch Viện sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, q5, tr. 155. [↑](#footnote-ref-4)
5. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q6, tr. 191. [↑](#footnote-ref-5)
6. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q9, tr. 292. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 4*, Bản dịch Viện sử học, NXB Giáo dục, 2007, tr. 120 và tr. 489. [↑](#footnote-ref-7)
8. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 366. [↑](#footnote-ref-8)
9. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 357. [↑](#footnote-ref-9)
10. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 744. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Bản dịch Viện sử học, NXB Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 269-271. [↑](#footnote-ref-11)
12. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Sđd, tr. 268. [↑](#footnote-ref-12)
13. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Sđd, tr. 266. [↑](#footnote-ref-13)
14. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Sđd, tr. 80. Huyện ở đây là huyện Nghĩa An, tỉnh Biên Hòa. Lúc này chợ Thủ Đức thuộc về địa phận tỉnh Biên Hòa. [↑](#footnote-ref-14)
15. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Sđd, tr. 66. [↑](#footnote-ref-15)
16. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5,* Sđd, tr. 80. Tương tự chợ Thủ Đức, chợ Thủ Thiêm bấy giờ thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa. [↑](#footnote-ref-16)
17. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q40, tr. 627 [↑](#footnote-ref-17)
18. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q43, tr. 663. [↑](#footnote-ref-18)
19. Hai Đức (?-1882), *Kim Gia Định phong cảnh vịnh*, Trương Vĩnh Ký phiên âm và chú thích, in trong quyển ***Saigon d’aujourd’hui (Nét đẹp Sài Gòn)*** do nhà hàng C.Guilland et Martion, Saigon, ấn hành năm 1882. [↑](#footnote-ref-19)
20. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 5*, Bản dịch Viện sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 579-581. [↑](#footnote-ref-20)
21. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 991. [↑](#footnote-ref-21)
22. Nội các triều Nguyễn, *Đại Nam hội điển sự lệ, tập 4*, Bản dịch Viện sử học, NXB Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 463-464. [↑](#footnote-ref-22)
23. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q11, tr. 223-224. [↑](#footnote-ref-23)
24. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q29, tr. 479. [↑](#footnote-ref-24)
25. ***Đại Nam thực lục, tập 7***, Sđd, q2, tr. 68. [↑](#footnote-ref-25)
26. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q11, tr. 327. [↑](#footnote-ref-26)
27. Tháng 4/1857, các đại thần Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Tôn Thất Cáp tâu công việc Nam Kì gồm 4 điều, trong đó điều thứ ba là *“Tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường gạo nhiều mà các tỉnh Nam Trực, Tả Kì kho tàng chứa gạo ít lắm, xin thuê thuyền buôn vận chở gạo Nam Kì ra, trữ cho đủ dùng”*. Tự Đức nghe theo [***Quốc triều chính biên toát yếu***, Sđd, tr. 412-413] [↑](#footnote-ref-27)
28. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q24, tr. 403. [↑](#footnote-ref-28)
29. Phan Huy Lê (Cb), *Lịch sử Việt Nam, tập II*, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2013, chú thích trang 556. [↑](#footnote-ref-29)
30. *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Tấu của Tuần phủ Gia Định, Tờ 249, Tập 52, Thời gian: 29/2 năm Minh Mệnh thứ 15 (1834). [↑](#footnote-ref-30)
31. *Quốc triều chính biên toát yếu*, Sđd, tr. 270. [↑](#footnote-ref-31)
32. Phan Huy Lê (Cb), *Lịch sử Việt Nam*, tập II, Sđd, tr. 550. [↑](#footnote-ref-32)
33. *Quốc triều chính biên toát yếu*, Sđd. Theo quy định năm 1820, được bổ sung năm 1831 thì mức thuế thuyền buôn Phúc Kiến và Triều Châu như sau [***ĐẠI NAM THỰC LỤC TẬP 2, Q6, trang 101-102 và ĐẠI NAM HỘI ĐIỂN SỰ LỆ, tập 4, trang 416***].

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Xuất xứ | Kích thước thuyền(Rộng) | Mức thuế (Quan/thước) |
| Tỉnh Phúc Kiến  | 30 đến 36 thước | 180 |
| 26 đến 29 thước | 160 |
| 25 đến 14 thước | 140 |
| 13 đến 11 thước | 90 |
| 10 đến 9 thước | 70 |
| 8 đến 7 thước | 35 |
| Phủ Triều Châu | 30 đến 36 thước | 130 |
| 26 đến 29 thước | 120 |
| 25 đến 14 thước | 110 |
| 13 đến 11 thước | 70 |
| 10 đến 9 thước | 50 |
| 8 đến 7 thước | 30 |

 [↑](#footnote-ref-33)
34. *Đại Nam thực lục, tập 5*, Sđd, tr. 34. [↑](#footnote-ref-34)
35. *Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỉ, q196*. Dẫn theo Nguyễn Thế Anh, ***Kinh tế Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn***, Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1971, tr. 245. [↑](#footnote-ref-35)
36. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q13, tr. 413. [↑](#footnote-ref-36)
37. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q15, tr. 482. [↑](#footnote-ref-37)
38. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 606. [↑](#footnote-ref-38)
39. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q69, tr. 1035-1036. [↑](#footnote-ref-39)
40. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q69, tr. 1036. [↑](#footnote-ref-40)
41. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q6, tr. 198. [↑](#footnote-ref-41)
42. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Sđd, tr. 402. [↑](#footnote-ref-42)
43. *Đại Nam thực lục, tập 6*, Sđd, q12, tr. 228. [↑](#footnote-ref-43)
44. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q5, tr. 161. [↑](#footnote-ref-44)
45. *Đại Nam thực lục, tập 5*, Sđd, tr. 63. [↑](#footnote-ref-45)
46. Theo *Tư liệu về thương gia, thánh tử vì đạọ Matthêu Lê Văn Gẫm* [Lm. Đào Trung Hiệu, ***Thánh Matthêu LÊ VĂN GẪM, Thương Gia (1813 - 1847)***. Nguồn: <http://conggiao.info/news/2250/7470/thanh-mattheu-le-van-gam-thuong-gia-1813---1847.aspx>] [↑](#footnote-ref-46)
47. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q14, tr. 456. [↑](#footnote-ref-47)
48. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Sđd, q15, tr. 457. [↑](#footnote-ref-48)
49. Xem thêm Nguyễn Phan Quang, *Thị trường lúa gạo Nam Kì 1860-1945*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2004. [↑](#footnote-ref-49)
50. *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Sđd, tr. 243. [↑](#footnote-ref-50)